

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **106/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 27-6-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đăng

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp 5, xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-01-2023, nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn K tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau vào ngày 11-5-2007. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng, không nhường nhịn nhau dẫn đến thường xuyên cự cãi; anh K không đóng góp tài chính để lo cho các con; nhiều lần chửi mắng, xúc phạm chị P và gia đình chị P. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn K có 03 người con chung tên Nguyễn Trung C (nam), sinh ngày 16-7-2005; Nguyễn Minh D (nam), sinh ngày 17-8-2007 và Nguyễn Minh H (nam), sinh ngày 11-9-2009. Hiện nay các con đang sống chung với chị P và anh K. Khi ly hôn, các con có nguyện

vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, chị P không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trần Thị P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi nguyện vọng của con chung ngày 24-4-2023 của cháu Nguyễn Minh H thể hiện: Hiện nay cháu H đang sống chung với chị P. Trường hợp chị P và anh K ly hôn thì cháu H có nguyện vọng được sống chung với anh K.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 04-5-2023 của cháu Nguyễn Minh D thể hiện: Hiện nay cháu D đang sống chung với chị P. Trường hợp chị P và anh K ly hôn thì cháu D có nguyện vọng được sống chung với anh K.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn K đúng theo quy định pháp luật, nhưng anh K không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 23-6-2023, nguyên đơn chị Trần Thị P có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; bị đơn anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn K tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 11-5-2007 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh K được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị P, thấy rằng: Hiện nay chị P không còn tình cảm yêu thương anh K và quyết tâm mong muốn được ly hôn. Đồng thời, chị P khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống với anh K sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị P được ly hôn với anh K.

[4] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn K có 03 người con chung tên Nguyễn Trung C (nam), sinh ngày 16-7-2005; Nguyễn Minh D (nam), sinh ngày 17-8-2007 và Nguyễn Minh H (nam), sinh ngày 11-9-2009. Hiện nay các con đang sống chung với chị P. Tại Biên bản ghi nguyện vọng của

con chung ngày 24-4-2023, cháu H có nguyện vọng được sống chung với anh K và văn bản trình bày ý kiến ngày 04-5-2023, cháu D có nguyện vọng được sống chung với anh K nếu anh K và chị P ly hôn. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh K không có văn bản thể hiện ý kiến về quyền nuôi con. Để bảo đảm quyền lợi của con chung sau khi ly hôn, trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chung, cần giao cháu D và cháu H cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị P không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu C, hiện nay cháu đã trưởng thành, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị P tự thỏa thuận với anh K, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị P ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Chị Trần Thị P có nghĩa vụ giao con chung tên Nguyễn Minh D (nam), sinh ngày 17-8-2007 và Nguyễn Minh H (nam), sinh ngày 11-9-2009 cho anh Nguyễn Văn K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị P tự thỏa thuận với anh Nguyễn Văn K, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 14 tháng 02 năm 2023, chị Trần Thị P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0010954 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã H, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út